TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2022/HN&GĐ-ST
Ngày: 02-8-2022
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Mai Thương;

2/ Ông Lê Hoàng Phúc.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Tấn Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng – Kiểm sát Viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 254/2022/TLST-HN&GĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2022/QĐXXST-HN&GĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mỹ P, sinh năm 1997;

Nơi cư trú: Đường số 10, tổ 11, thôn 2B, xã DH, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Anh Nguyễn L, sinh năm 1990;

Nơi cư trú: Số nhà 198, đường số 8, tổ 3, thôn 5, xã TT, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn, bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2015, chị Trần Thị Mỹ P và anh Nguyễn L tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện Đức Linh; Trong quá trình chung sống thì thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L nhậu nhẹt, say xỉn về kiếm chuyện đốt xe, đánh chị P. Nay chị P xác định tình cảm với anh L không còn nữa và giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh L.

Về con chung: Chị P yêu cầu được quyền nuôi 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Hà T, sinh ngày 12/5/2018 và Nguyễn Ngọc Trà M, sinh ngày 24/9/2015;

yêu cầu anh Nguyễn L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền 2.000.000 đồng/con/tháng, cấp dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày: Anh L và chị P kết hôn vào năm 2015, chung sống đã 7 năm nay nhưng vì lý do anh L đi làm xa mà chị P lăng nhăng quen một người khác, vì đó mà chị P xin ly hôn anh L. Nay anh L đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị P.

Về con chung: Họ và tên như chị P trình bày là đúng, sau khi ly hôn thì anh L cũng có nguyện vọng nuôi 01 con chung, anh L yêu cầu được quyền nuôi con Nguyễn Ngọc Hà T. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn và yêu cầu được quyền nuôi dưỡng 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Hà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhập yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị Mỹ P ly hôn anh Nguyễn L.

Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Mỹ P quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung tên Nguyễn Ngọc Hà T, sinh ngày 12/5/2018 và Nguyễn Ngọc Trà M, sinh ngày 24/9/2015. Buộc anh Nguyễn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với số tiền 1.500.000đồng/con/tháng (hai con là 3.000.000đồng/tháng), cấp dưỡng kể từ tháng 8/2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn, bị đơn về việc không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn DSST, bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ P khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với bị đơn Nguyễn L; bị đơn Nguyễn L có nơi thường trú tại thôn 5, xã TT, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[2.1] Về hôn nhân: Căn cứ bản sao giấy chứng nhận kết hôn số 77, quyển số 01/2015, đăng ký ngày 16/11/2015 tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện Đức Linh; có căn cứ khẳng định chị P và anh L kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh L được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Chị P và anh L tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến hôn nhân; sau khi kết hôn, chị P và anh L đều xác định anh chị sống chung với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn theo lời khai của chị P là do anh L nhậu nhẹt, say xỉn về kiếm chuyện đốt xe, đánh chị P; còn theo anh L là do chị P có mối quan hệ bất chính với người khác. Hiện tại, chị P và anh L đã sống ly thân, hôn nhân thực tế không còn tồn tại. Quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa, anh L đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị P.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân thực tế giữa chị P và anh L không còn tồn tại, hôn nhân đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P đối với anh L.

[2.2] Về con chung: Căn cứ vào bản sao giấy khai sinh số 259, đăng ký ngày 07/12/2015 và giấy khai sinh số 114, đăng ký ngày 11/6/2018 tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận và lời khai thừa nhận của chị P, anh L; có căn cứ để khẳng định giữa chị P và anh L có với nhau 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Hà T, sinh ngày 12/5/2018 và Nguyễn Ngọc Trà M, sinh ngày 24/9/2015. Con chung của chị P và anh L hiện còn dưới 07 tuổi, đang sống cùng chị P.

Quá trình giải quyết vụ án, chị P yêu cầu được quyền nuôi hai con chung và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền 2.000.000 đồng/ con/tháng; anh L yêu cầu được quyền nuôi con Nguyễn Ngọc Hà T.

Về điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con: Quá trình giải quyết vụ án, anh L không cung cấp được chứng cứ chứng minh đều kiện nuôi con theo quy định của pháp luật, tại phiên tòa anh L cung cấp 01 Hợp đồng lao động nhưng không có chữ ký của anh, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận chứng cứ này; chị P cung cấp được chứng cứ là hợp đồng lao động, giấy xác nhận lương; Hội đồng xét xử nhận thấy chị P có công việc và thu nhập ổn định, từ thời

điểm sống ly thân cho đến nay chị P vẫn là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con, đời sống vật chất và việc học tập của hai cháu đang ổn định, các cháu đang trong giai đoạn phát triển về tâm sinh lý, việc thay đổi chỗ ở, nơi học tập, môi trường sinh hoạt ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về tình cảm, tâm sinh lý của hai cháu. Mặt khác, cháu T và cháu M từ khi sinh ra cho đến nay đã lớn lên bên nhau cùng gắn bó, yêu thương nhau, sau khi chị P và anh L ly thân, ly hôn thì hai cháu đã bị tổn thương về mặt tình cảm gia đình, các cháu sống với mẹ thì thiếu đi tình thương, sự quan tâm trực tiếp của cha; do đó, nếu chia tách hai cháu sẽ làm hụt hẫng, ảnh hưởng đến sự phát triển tâm sinh lý về sau của hai cháu, đồng thời ảnh hưởng đến tình cảm chị em của hai cháu.

Từ những cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử quyết định giao cho chị P quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai cháu T và cháu M là phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81; khoản 2, khoản 3 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cũng như lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tại phiên tòa.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con:

Tại phiên tòa, chị P yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền 2.000.000đồng/tháng, cấp dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

Tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*2. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*".

Tại Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về nghĩa vụ cấp dưỡng của cha, mẹ đối với con như sau:

"*Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con*".

Tại phiên tòa, anh L khẳng định ông có sức khỏe, có khả năng lao động và ông có công việc, thu nhập tương đối ổn định; do đó, việc chị P yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với điều luật đã được viện dẫn. Căn cứ vào nhu cầu thiết yếu của con chung và khả năng thu nhập thực tế của anh L, để bảo đảm quyền lợi mọi mặt cho con, chị P yêu cầu anh L phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung, với mức cấp dưỡng là 1.500.000đ/tháng, cấp dưỡng kể từ tháng 8/2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi, là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về tài sản chung và nợ: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 143, 144, 147, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9, 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Mỹ P.

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ P ly hôn anh Nguyễn L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 77, quyển số 01/2015, đăng ký ngày 16/11/2015 tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện Đức Linh, cấp cho chị Trần Thị Mỹ P và anh Nguyễn L hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Mỹ P quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung tên Nguyễn Ngọc Hà T, sinh ngày 12/5/2018 và Nguyễn Ngọc Trà M, sinh ngày 24/9/2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thực hiện quyền này để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 86 Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chưa thành niên của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với số tiền 1.500.000đồng/con/tháng (hai con là 3.000.000/tháng), cấp dưỡng kể từ tháng 8/2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Đối với khoản tiền cấp dưỡng, chị Trần Thị Mỹ P có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án ngay. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

4. Ghi nhận ý kiến của các đương sự về việc không yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề tài sản, nợ chung.

5. Về án phí:

- Chị Trần Thị Mỹ P phải nộp số tiền 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0009436 ngày 19/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Chị Trần Thị Mỹ P đã nộp đủ tiền án phí.

- Anh Nguyễn L phải nộp số tiền 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm (án phí cấp dưỡng nuôi con).

Án phí nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND xã TT;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Thuận